

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẤT NÔNG NGHIỆP CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN

Trần Quang Trung¹, Đỗ Thị Đức Hạnh^{2*}

¹Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn

²Khoa Tài nguyên và Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

*Tác giả liên hệ: dtdhanh@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 12.03.2024

Ngày chấp nhận đăng: 12.06.2024

TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm chỉ ra những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân trong quá trình giải quyết tranh chấp đất nông nghiệp đã giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất đối với các hộ gia đình, cá nhân và đề xuất giải pháp giải quyết dứt điểm, đúng thời hạn, đúng quy định các tranh chấp tại tỉnh Lạng Sơn. Số liệu được thu thập từ các cơ quan chức năng và từ điều tra bằng phiếu in sẵn đối với 175 hộ gia đình, 164 cán bộ liên quan trực tiếp đến giải quyết tranh chấp. Từ 2016 đến 2022, đã có 4.012 vụ tranh chấp được giải quyết; trung bình 2,87 vụ/năm mỗi xã. Tỷ lệ hòa giải thành; không thành tương ứng 72,18%; 27,82%. Bản án xét xử sơ thẩm không có kháng cáo chiếm 90,50%; còn lại 9,50% có kháng cáo. Các bên tranh chấp đã chấp hành tốt các kết luận giải quyết. Hạn chế cơ bản khi giải quyết tranh chấp là hồ sơ địa chính chưa tốt; nhân lực chưa đủ; sự phối hợp giải quyết còn hạn chế; người có tranh chấp hiểu biết pháp luật hạn chế; thủ tục hành chính còn phức tạp. Các giải pháp gồm hoàn thiện hồ sơ địa chính và thủ tục hành chính; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật; đảm bảo đủ nhân lực giải quyết tranh chấp; tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng.

Từ khóa: Đất nông nghiệp, giải quyết tranh chấp, Lạng Sơn.

Assessing the situation of resolving agricultural land disputes between households and individuals in Lang Son province

ABSTRACT

The study aimed to point out the advantages, limitations, and causes in the process of resolving disputes over allocated or leased agricultural land, recognizing land use rights for households, individuals, and proposing solutions to resolve disputes completely, on time, and according to regulations in Lang Son province. Data were collected from authorities and from surveys using pre-prepared questionnaires on 175 households and 164 officials directly involved in dispute resolution. From 2016 to 2022, 4,012 disputes were resolved, an average of 2.87 cases/year/commune. Conciliation successful and unsuccessful rate, respectively, was 72.18%; 27.82%. First-instance judgments without appeal accounted for 90.50%; the remaining 9.50% have appealed. The disputing parties had well complied with the settlement conclusions. The biggest limitations when resolving disputes were poor cadastral records; insufficient human resources, limited coordination to resolve the issue, people in dispute having limited legal knowledge, and administrative procedures were not simple. Solutions include completing cadastral records and administrative procedures; promoting propaganda and dissemination of laws; ensuring enough human resources to resolve disputes; and strengthening coordination between authorities.

Keywords: Agricultural land, dispute resolution, Lang Son province.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

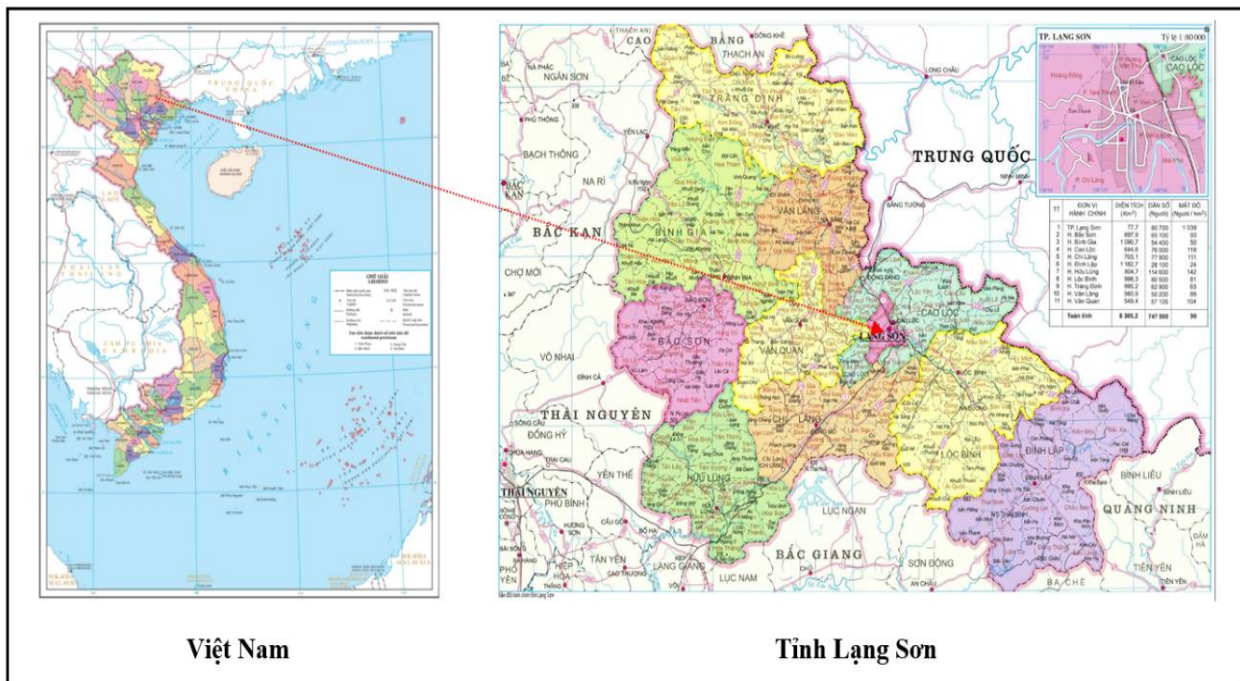
Theo quy định tại Khoản 24 Điều 3 Luật Đất đai 2013, tranh chấp đất đai (TCĐĐ) là

tranh chấp về quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất giữa hai hoặc nhiều bên trong quan hệ đất đai. Giải quyết TCĐĐ (GQTCCĐĐ) là hoạt động nhằm đưa ra các giải pháp để giải quyết

các bất đồng, mâu thuẫn giữa các bên nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên theo quy định của pháp luật. GQTCĐĐ kịp thời, chính xác và đúng quy định của pháp luật góp phần bảo đảm an ninh, trật tự xã hội, hạn chế các xung đột trong các quan hệ giữa những người có liên quan đến quyền sử dụng đất (Nguyễn Thị Thanh Bình & Lê Thị Thỏ, 2019; Phạm Thị Hải Vân, 2023). Đến nay, có nhiều nghiên cứu liên quan đến GQTCĐĐ theo những khía cạnh và phạm vi và mức độ chuyên sâu khác nhau. Một số tác giả đánh giá GQTCĐĐ tại những địa bàn cụ thể như tại Vĩnh Phúc, vùng Tây Nguyên, Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh,... (Doãn Hồng Nhung & Sâm Đức Hiệp, 2022; Nguyễn Tiến Sỹ, 2017; Tô Văn Hòa, 2020). Nghiên cứu khác đi sâu phân tích những khó khăn, bất cập khi giải quyết các vụ khiếu kiện liên quan đến tranh chấp đất đai như bất cập về thẩm quyền, khó khăn khi xác minh chứng cứ và thay đổi quy định của pháp luật theo thời gian,... (Doãn Hồng Nhung & Sâm Đức Hiệp, 2022). Phạm Thị Hằng & cs. (2022) tập trung nghiên cứu thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến GQTCĐĐ giữa những đồng bào dân tộc thiểu số.

Lạng Sơn là tỉnh vùng biên (Hình 1) có 72.0431ha đất nông nghiệp, chiếm đến 86,69% tổng diện tích tự nhiên của tỉnh (UBND tỉnh Lạng Sơn, 2022). Giai đoạn 2016-2022, 4.012 vụ tranh chấp đất nông nghiệp (TCĐNN) đã được giải quyết liên quan đến quyền sử dụng đất, ranh giới đất và tài sản gắn liền với đất giữa các hộ gia đình, cá nhân. Song, đến nay chưa có nghiên cứu nào đánh giá chuyên sâu những ưu điểm, hạn chế, khó khăn khi giải quyết tranh chấp liên quan đến đất nông nghiệp giữa các hộ gia đình, cá nhân. Do vậy, *đánh giá thực trạng giải quyết TCĐNN của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn là cần thiết nhằm chỉ ra những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân làm sở đề xuất giải pháp góp phần giải quyết dứt điểm, đúng thời hạn, đúng quy định các tranh chấp liên quan đến đất nông nghiệp góp phần đảm bảo an ninh, trật tự tại tỉnh Lạng Sơn.*

Nghiên cứu tập trung đánh giá GQTCĐĐ liên quan đến *đất nông nghiệp đã giao, cho thuê và được công nhận đối với các hộ gia đình, cá nhân* trên địa bàn 11 huyện, thành phố thuộc tỉnh Lạng Sơn trong giai đoạn 2016-2022 với hình thức giải quyết tranh chấp là hòa giải và do tòa án giải quyết.



Hình 1. Sơ đồ vị trí địa lý tỉnh Lạng Sơn

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thu thập số liệu

Số liệu thứ cấp về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, giải quyết tranh chấp đất nông nghiệp (GQTCĐNN) được thu thập từ báo cáo công tác quản lý đất đai của UBND tỉnh Lạng Sơn, các UBND huyện, thành phố thuộc tỉnh và của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn. Nghiên cứu cũng sử dụng các kết quả đã công bố tại các tạp chí khoa học có uy tín và các báo cáo nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu liên quan đến GQTCĐĐ.

Số liệu sơ cấp được thu thập trong năm 2023, thông qua điều tra trực tiếp, ngẫu nhiên bằng phiếu điều tra in sẵn hộ gia đình đã được giải quyết xong TCĐNN được giao, được thuê hay được công nhận. *Nội dung phiếu điều tra có thông tin cơ bản về người trả lời điều tra; nội dung tranh chấp; mức độ hiểu biết pháp luật đất đai của người có tranh chấp; đánh giá của họ về người giải quyết tranh chấp và kết quả giải quyết tranh chấp và những ý kiến khác liên quan đến giải quyết tranh chấp,...* Số lượng phiếu điều tra được xác định theo công thức 1 (Yamane, 1967).

$$n = \frac{N}{1 + e^2 \times N} \quad (1)$$

Trong đó: n: số phiếu điều tra (số hộ gia đình trả lời điều tra); N: số hộ gia đình có TCĐNN trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn trong giai đoạn nghiên cứu (N = 11.186 hộ gia đình); e: sai số cho phép (e = 5-15%), chọn e = 7,5% (giá trị bằng một phần hai sai số cho phép tối đa). Thay số vào công thức 1, ta có, n = 175 hộ gia đình (*tương ứng 175 phiếu, mỗi gia đình trả lời 01 phiếu*).

Nghiên cứu cũng điều tra bằng phiếu điều tra in sẵn trực tiếp, ngẫu nhiên 164 người liên quan trực tiếp đến GQTCĐNN, bao gồm 03 thẩm phán thuộc Tòa án Nhân dân tỉnh Lạng Sơn, 33 thẩm phán thuộc 11 tòa án nhân dân cấp huyện (mỗi tòa án 03 người) đã xét xử TCĐNN và 11 lãnh đạo UBND cấp huyện, 11 lãnh đạo phòng TNMT; 106 lãnh đạo UBND cấp xã có TCĐNN (Bảng 1). *Nội dung phiếu điều tra có thông tin cơ bản về người trả lời và các ý kiến của họ về mức độ hiểu biết, chấp hành pháp luật đất đai*

của người TCĐNN; thủ tục hành chính, nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ GQTCĐNN; ý kiến về tổ chức, các khó khăn, bất cập, giải pháp khắc phục khi GQTCĐNN,...

2.2. Tổng hợp, xử lý, phân tích, so sánh số liệu

Số liệu thứ cấp, sơ cấp được tổng hợp, xử lý bằng phần mềm SPSS20.0. Kết quả được phân tích, so sánh theo từng tiêu chí đánh giá GQTCĐĐ, *bao gồm bao gồm thủ tục hành chính; tuyên truyền phổ biến pháp luật; hiểu biết và chấp hành pháp luật của người sử dụng đất; cơ sở vật chất và nhân lực phục vụ GQTCĐĐ; sự phối hợp của các cơ quan chức năng trong quá trình giải quyết,...*

2.3. Xác định mức độ đánh giá trung bình của một số tiêu chí

Đánh giá theo một số tiêu chí được thực hiện dựa trên thang đo Likert 5 mức độ (*Mức độ I: Rất thường xuyên/rất tốt; Mức độ II: Thường xuyên/tốt; Mức độ III: Bình thường; Mức độ IV: Ít quan tâm/hạn chế; Mức độ V: Rất ít quan tâm/rất hạn chế với điểm đánh giá tương ứng 5, 4, 3, 2, 1*) (Likert, 1932). Điểm trung bình (TB) cho từng tiêu chí đánh giá được xác định theo công thức 2.

$$\text{ĐTB}_i = \frac{1}{m} \sum_j x_{ij} \quad (2)$$

Trong đó: ĐTB_i: điểm trung bình của tiêu chí thứ i; m: số người đánh giá tiêu chí thứ i; x_{ij}: điểm đánh giá về tiêu chí thứ i của người thứ j.

Mức đánh giá TB cho từng tiêu chí theo điểm TB của tiêu chí được xác định theo công thức 1 và bao gồm 5 mức theo thang đo Likert (*Mức độ I: Rất thường xuyên/rất tốt; Mức độ II: Thường xuyên/tốt; Mức độ III: Bình thường; Mức độ IV: Ít quan tâm/hạn chế; Mức độ V: Rất ít quan tâm/rất hạn chế với điểm đánh giá tương ứng khi có điểm đánh giá trung bình tương ứng: lớn hơn 4,20; từ 3,40 đến 4,19; từ 2,60 đến 3,39; từ 1,80 đến 2,59; nhỏ hơn 1,80*) (Likert, 1932). Tên cụ thể của từng tiêu chí được thể hiện tại các bảng 3, 5, 6, 9.

Bảng 1. Danh sách đối tượng trả lời điều tra

Đối tượng điều tra	Số người
Thẩm phán Tòa án nhân dân tỉnh	3
Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện, thành phố (tại tất cả 11 huyện, thành phố; mỗi huyện, thành phố 03 người)	33
Lãnh đạo UBND huyện, thành phố (tất cả 11 huyện, thành phố; mỗi huyện, thành phố 01 người)	11
Lãnh đạo phòng TNMT huyện, thành phố (tại tất cả 11 huyện, thành phố; mỗi phòng TNMT 01 người)	11
Lãnh đạo UBND cấp xã có TCĐNN (106 xã, phường; mỗi đơn vị hành chính 01 người)	106
Tổng	164

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Khái quát giải quyết tranh chấp đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Trong giai đoạn 2016-2022, 4.012 vụ TCĐNN đã được giải quyết, chiếm 53,74% tổng số vụ tranh chấp đất đai, trung bình mỗi năm tại mỗi đơn vị hành chính cấp xã đã giải quyết 2,87 vụ TCĐNN (Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn, 2023). Theo hình 2, số vụ TCĐNN thay đổi theo từng năm. Từ 2016 đến 2019 số vụ dao động từ 717 đến 1.101 vụ (cao nhất vào năm 2017) nhưng từ 2020 đến 2022 số vụ giảm rõ rệt (giảm trung bình 6,57 lần). Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến giảm tranh chấp là do giãn cách xã hội dưới tác động của Đại dịch Covid-19. Số hộ gia đình có liên quan đến tranh chấp cũng thay đổi theo từng năm, nhưng không tỷ lệ thuận với số vụ tranh chấp. Năm 2017 có số hộ gia đình tranh chấp nhiều nhất (3.206 hộ), năm 2022 chỉ có 105 hộ tranh chấp (Hình 3). Số hộ gia đình liên quan đến tranh chấp trung bình hàng năm đều lớn hơn 2 hộ/vụ (dao động từ 2,13 đến 3,80 hộ/vụ với TB 2,79 hộ/vụ) (Hình 4).

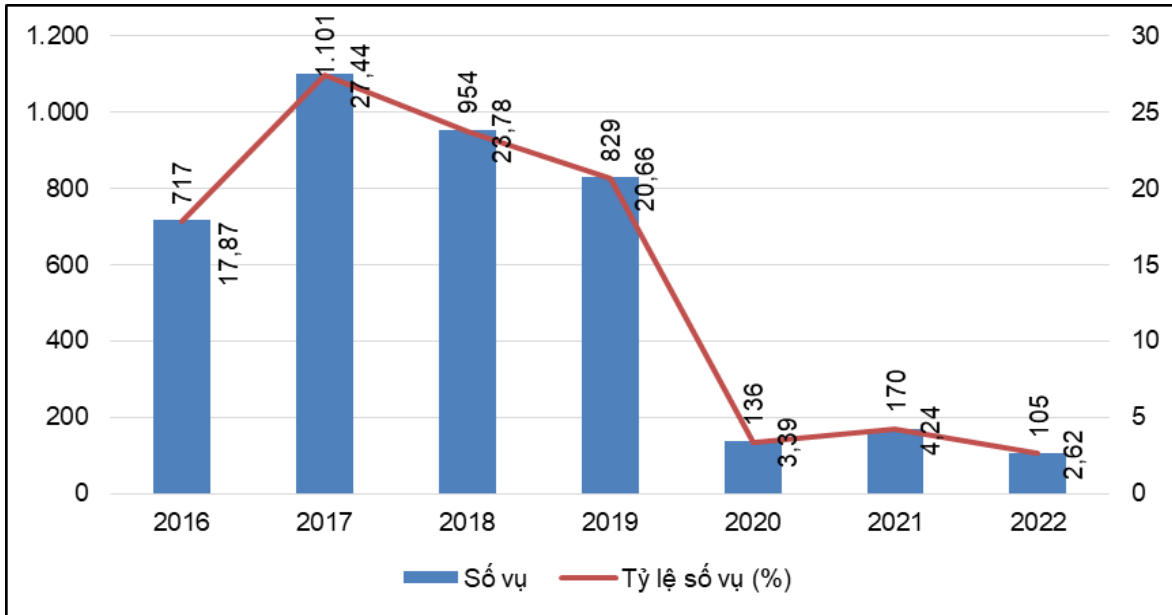
Các tranh chấp chủ yếu liên quan đến ranh giới sử dụng đất, hay chồng lấn diện tích của các hộ gia đình liên kế, hay tranh chấp quyền sử dụng đất của các thành viên trong hộ gia đình, hay tài sản gắn liền với đất. Những nguyên nhân dẫn đến tranh chấp là do người sử dụng đất tự thỏa thuận thay đổi ranh giới thửa đất nhưng không thực hiện đăng ký biến động, hay trong quá trình sử dụng vô tình hoặc cố ý sử dụng đất không đúng với ranh giới đã được xác lập. Một

số trường hợp mặc dù thửa đất đã có ranh giới trên giấy chứng nhận, nhưng chưa trùng khớp với ranh giới trên thực địa, nhất là cấp giấy chứng nhận theo bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000. Tranh chấp cũng xảy ra khi cấp GCN cho các hộ gia đình liền có sự sai sót về vị trí diện tích đất, đặc biệt đối với đất lâm nghiệp. Tranh chấp cũng xảy ra khi phân chia quyền sử dụng đất giữa các thành viên trong hộ gia đình nguyên nhân là xác định không đúng nguồn gốc sử dụng đất của từng thành viên trước khi cấp GCN (về bản chất chỉ thuộc về vợ hoặc chồng nhưng trong giấy chứng nhận ghi là hộ gia đình). Đây cũng là nguyên nhân mà nghiên cứu của Tô Văn Hòa (2020) đã chỉ ra. Mặc dù vậy, TCĐNN theo khảo sát, tại tỉnh Lạng Sơn chưa thấy có những vụ xô sát, xung đột lớn xảy ra như tại Tây Nguyên (Tô Văn Hòa, 2020).

Về giải quyết tranh chấp, do đối tượng nghiên cứu là diện tích đất nông nghiệp đã được giao, được thuê, được công nhận quyền sử dụng, nên phải thực hiện qua hòa giải, khi hòa giải không thành thì vụ việc được giải quyết tại tòa án. Theo bảng 2, tỷ lệ hòa giải thành chiếm đa số (72,18% tổng số vụ tranh chấp). Hòa giải được thực hiện thông qua tự hòa giải giữa các bên có tranh chấp, hòa giải cơ sở tại các thôn, bản với sự tham gia của những người có uy tín trong thôn, bản; hay tại UBND cấp xã. Tỷ lệ hòa giải không thành chiếm tỷ lệ nhỏ hơn (27,82% tổng số vụ tranh chấp). Chỉ có 9,50% tổng số vụ do tòa án giải quyết tương ứng với 106 vụ phải xét xử theo thủ tục phúc thẩm do bên tranh chấp kháng cáo bản án sơ thẩm vì họ chưa nhất trí với nội dung phát quyết. Mặc dù vậy, các bên đều đã chấp hành

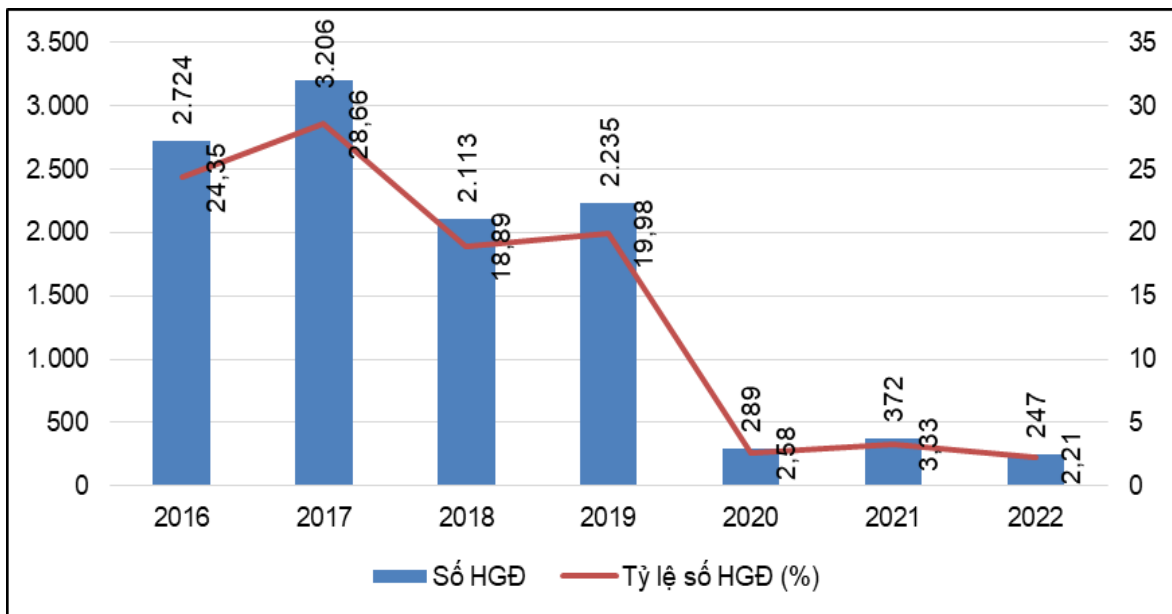
tốt bản án xét xử phúc thẩm. Có thể thấy, tỷ lệ hòa giải thành (61,60%) tại huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định (Phạm Thị Hằng & cs., 2022) nhỏ hơn thì tỷ lệ hòa giải thành tại Lạng Sơn (72,18%), ngược lại tỷ lệ hòa giải không thành và giải quyết qua phán quyết của tòa án lớn hơn (38,40% so với 27,82%). So với kết quả

nghiên cứu của Trần Thanh Đức & cs. (2018), thì giải quyết tranh chấp có sự khác biệt rõ rệt về tỷ lệ hòa giải thành công và không thành công (tương ứng 38,67% và 61,33%). Như vậy, giải quyết tranh chấp tại tỉnh Lạng Sơn nhanh hơn, đơn giản hơn vì có tỷ lệ số vụ do tòa án giải quyết nhỏ hơn.



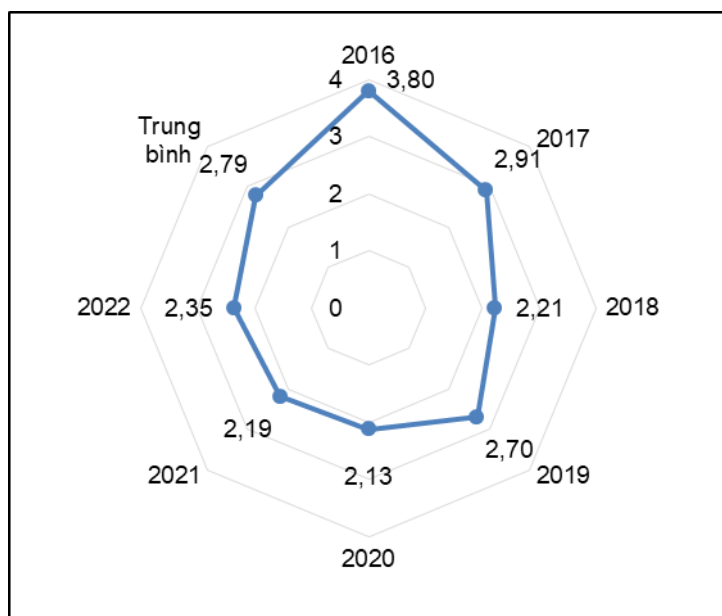
Nguồn: UBND tỉnh Lạng Sơn (2022).

Hình 2. Số vụ tranh chấp đất nông nghiệp tại tỉnh Lạng Sơn



Nguồn: UBND tỉnh Lạng Sơn (2022).

Hình 3. Số hộ gia đình tranh chấp đất nông nghiệp tại tỉnh Lạng Sơn



Nguồn: UBND tỉnh Lạng Sơn (2022).

Hình 4. Số hộ gia đình trung bình trong một vụ tranh chấp đất nông nghiệp tại tỉnh Lạng Sơn (ĐVT: Hộ gia đình/vụ)

Bảng 2. Kết quả giải quyết tranh chấp

Năm	Số vụ	Số vụ hòa giải thành	Tỷ lệ hòa giải thành (%)	Số vụ tòa án giải quyết	Tỷ lệ tòa án giải quyết (%)	Số vụ xét xử sơ thẩm	Số vụ xét xử phúc thẩm	Tỷ lệ số vụ xét xử phúc thẩm (%)
2016	717	528	73,64	189	26,36	189	11	5,82
2017	1101	867	78,75	234	21,25	234	23	9,83
2018	954	582	61,01	372	38,99	372	37	9,95
2019	829	631	76,12	198	23,88	198	19	9,60
2020	136	99	72,79	37	27,21	37	7	18,92
2021	170	115	67,65	55	32,35	55	4	7,27
2022	105	74	70,48	31	29,52	31	5	16,13
Tổng/TB	4012	2896	72,18	1116	27,82	1116	106	9,50

Nguồn: UBND tỉnh Lạng Sơn (2022).

3.2. Ý kiến về giải quyết tranh chấp đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

3.2.1. Ý kiến của hộ gia đình về giải quyết tranh chấp

Theo bảng 3, người tranh chấp được phổ biến về pháp luật GQTCĐĐ hạn chế, điểm trung bình 2,31. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến mức độ hiểu biết pháp luật GQTCĐĐ hạn chế. Cán bộ hướng dẫn thực hiện thủ tục đề nghị giải quyết tranh chấp có

thái độ tốt (điểm trung bình 3,60). Song, cũng có cán bộ chưa nắm chắc quy định đối với những vụ việc phức tạp nên thực hiện giải quyết còn hạn chế. Điều này dẫn đến một số hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung nhiều lần (Bảng 4). Hòa giải thành tại UBND cấp xã cao nhất (28%) là do có sự tham gia của cán bộ thuộc UBND và các tổ chức chính trị có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn trong giải quyết tranh chấp đất đai, nắm chắc diễn biến sử dụng đất của các hộ gia đình có tranh chấp.

Về thủ tục giải quyết tranh chấp, theo đa số người dân (52,00%) còn phức tạp do phải chuẩn bị nhiều loại giấy tờ liên quan, phải tham gia xác minh, đối chất mất thời gian, công sức với tỷ lệ tương ứng 20,57%; 25,71%; 38,29% (Bảng 4). Về thời hạn giải quyết tranh chấp, mặc dù có vụ việc được giải quyết trước hạn hay đúng hạn nhưng vẫn còn đến 52,57% tổng số vụ việc chưa được giải quyết đúng hạn. Trong đó đa số các vụ việc (86,96% tổng số vụ việc không đúng hạn) được thông báo lý do là cần thêm thời gian xác minh nội dung tranh chấp. Theo bảng 5, có 62,29% hộ gia đình hoàn toàn đồng ý với kết quả giải quyết tranh chấp, tỷ lệ nhỏ đồng ý một phần (29,14%) hay không đồng ý (8,57%). Kết quả này cho thấy việc giải quyết tranh chấp về cơ bản đã phù hợp với mong đợi của các bên tranh chấp, mức độ hài lòng ở mức II (Hài lòng, điểm TB 3,48).

3.2.2. Ý kiến của cán bộ về giải quyết tranh chấp đất nông nghiệp

Theo các cán bộ (Bảng 6), người có tranh chấp hiểu biết pháp luật còn hạn chế (điểm TB 2,51), nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, nên sự phối hợp của họ trong quá trình thực hiện đo đạc, xác minh nội dung tranh chấp chỉ ở mức bình thường (điểm TB 2,85): Một số người vắng mặt không tham gia xác minh mặc dù đã có thông báo trước, không tạo điều kiện để thực hiện đo đạc xác minh ranh giới, diện tích đất tranh chấp. Hành vi này cũng đã xảy ra tại một số địa phương khác (Doãn Hồng Nhung & Sầm Đức Hiệp, 2022). Mặc dù vậy, đa số người có tranh chấp đã chấp hành kết quả giải quyết tranh chấp tốt (mức độ II, điểm TB 3,45) do kết quả giải quyết về cơ bản đã thỏa mãn mong đợi của họ.

Bảng 3. Ý kiến về phổ biến, nắm bắt quy định pháp luật và cán bộ giải quyết tranh chấp

Tiêu chí đánh giá	Số phiếu theo các mức độ					Điểm trung bình	Mức độ trung bình
	Mức độ I	Mức độ II	Mức độ III	Mức độ IV	Mức độ V		
Mức độ được phổ biến pháp luật GQTCĐĐ	12	24	33	44	62	2,31	HC
Mức độ hiểu biết pháp luật GQTCĐĐ	9	15	37	54	60	2,19	HC
Thái độ hướng dẫn thủ tục của người GQTCĐĐ	49	53	32	36	5	3,60	T
Trình độ chuyên môn của người GQTCĐĐ	23	54	60	25	13	3,28	BT

Ghi chú: HC: Hạn chế; T: Tốt; BT: Bình thường.

Bảng 4. Ý kiến về thực hiện thủ tục hành chính giải quyết tranh chấp

Tiêu chí đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ (%)	Tiêu chí đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
<i>Số lần bổ sung hồ sơ</i>			<i>Phức tạp do:</i>		
Một lần	146	83,43	Phải chuẩn bị nhiều loại giấy tờ liên quan	36	20,57
Hai lần	20	11,43	Phải tham gia xác minh thực địa	45	25,71
Trên hai lần	9	5,14	Phải tham gia đối chất	67	38,29
<i>Hình thức giải quyết tranh chấp</i>			<i>Thời hạn giải quyết tranh chấp</i>		
Tự hòa giải	25	14,29	Trước hạn	8	4,57
Hòa giải cơ sở	40	22,86	Đúng hạn	75	42,86
Hòa giải tại UBND cấp xã	49	28,00	Không đúng hạn	92	52,57
Tòa án giải quyết	61	34,86	Được thông báo lý do không đúng hạn	80	86,96
<i>Ý kiến về thủ tục giải quyết tranh chấp</i>			Không được thông báo lý do không đúng hạn		
Đơn giản	84	48,00		12	13,04

Bảng 5. Ý kiến về kết quả giải quyết tranh chấp

Tiêu chí đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ (%)	Tiêu chí đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
<i>Mức độ đồng ý với kết quả giải quyết tranh chấp</i>			Hài lòng	57	32,57
Đồng ý hoàn toàn	109	62,29	Bình thường	40	22,86
Đồng ý một phần	51	29,14	Không hài lòng	23	13,14
Không đồng ý	15	8,57	Rất không hài lòng	15	8,57
<i>Mức độ hài lòng với giải quyết tranh chấp</i>			Điểm đánh giá trung bình	3,48	
Rất hài lòng	40	22,86	Mức độ hài lòng trung bình	HL	

Ghi chú: HL: Hài lòng.

Bảng 6. Ý kiến về người có tranh chấp đất nông nghiệp

Tiêu chí đánh giá	Mức độ I	Mức độ II	Mức độ III	Mức độ IV	Mức độ V	Điểm trung bình	Mức độ trung bình
Mức độ hiểu biết pháp luật giải quyết tranh chấp	16	20	31	61	36	2,51	HC
Mức độ phối hợp giải quyết tranh chấp	7	38	56	50	13	2,85	BT
Mức độ chấp hành kết quả giải quyết tranh chấp	42	35	50	29	8	3,45	T

Ghi chú: HC: Hạn chế; BT: Bình thường; T: Tốt.

Về thủ tục giải quyết tranh chấp, cũng giống như ý kiến của người có tranh chấp, đa số cán bộ cho rằng, thủ tục còn phức tạp (57,93%) do quá trình giải quyết phải thu thập, xác minh nhiều loại giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất và phải tham gia, tổ chức các cuộc đối chất (tỷ lệ ý kiến tương ứng 25,00% và 18,29%). Mặc dù, số vụ được giải quyết trước hạn và đúng hạn chiếm đa số (53,05%, trong đó trước hạn 14,63%; đúng hạn 38,41%), song số vụ giải quyết không đúng vẫn còn nhiều do xác minh nội dung vụ việc khó khăn, nhất là hồ sơ địa chính không đầy đủ, thiếu cập nhật, còn sai sót. Bên cạnh đó, năng lực chuyên môn, số lượng cán bộ giải quyết tranh chấp còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu công việc tại một số địa phương, nhất là khi có nhiều tranh chấp xảy ra đồng thời (UBND tỉnh Lạng Sơn, 2022). 38,41% tổng số cán bộ trả lời cho rằng nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu do chưa đủ về số lượng (30,49%); chuyên môn còn hạn chế (21,95%); phải kiêm nhiệm, chưa chuyên trách (32,32%) (Bảng 8). Bên cạnh đó, cơ sở dữ liệu phục vụ giải quyết vụ việc còn chưa đáp ứng yêu cầu theo 23,78% tổng số cán bộ được hỏi. Sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng như tòa án, UBND các cấp, cơ quan tài nguyên và môi trường,... trong quá trình giải quyết một số vụ

việc còn chưa tốt. Việc cung cấp số liệu còn chậm, chưa đầy đủ, chính xác theo yêu cầu theo đánh giá của 35,37% tổng số cán bộ (Bảng 7).

Về triển khai giải quyết tranh chấp theo đánh giá chung, các cấp thường xuyên chỉ đạo, giám sát, điểm đánh giá trung bình 3,63 (Mức độ II). Mặc dù vậy, tại một số địa phương, mức độ quan tâm chỉ đạo, giám sát ít được quan tâm (14,02%) hay rất ít quan tâm (4,27%) (Bảng 9). Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật giải quyết tranh chấp theo đánh giá chung đạt mức III (Bình thường, điểm đánh giá 3,23). Bên cạnh đó, người có tranh chấp cũng quan tâm đến pháp luật giải quyết tranh chấp (Bảng 9). Điều này cũng là nguyên nhân dẫn đến giải quyết một số vụ tranh chấp chậm, không đúng thời hạn quy định.

3.3. Giải pháp hoàn thiện giải quyết tranh chấp đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

3.3.1. Hoàn thiện hồ sơ địa chính và thủ tục hành chính giải quyết tranh chấp

Để GQTCĐNN được nhanh chóng, đúng quy định, cần hoàn thiện hồ sơ địa chính nhằm xác định rõ ràng ranh giới, diện tích của từng

thửa đất, từng chủ sử dụng đất cả trên giấy và tại thực địa. Đặc biệt, cần cá thể hóa chủ sử dụng đất nhất là quyền sử dụng đất của các thành viên trong hộ gia đình để không xảy ra tranh chấp về quyền sử dụng đất khi theo nguồn gốc quyền này chỉ thuộc về một hoặc một số người thay vì thuộc về tất cả các thành viên. Ngoài ra, cũng cần ra soát, cắt giảm các thủ tục không cần thiết, loại bỏ một số giấy tờ khi cơ quan chức năng đã có thì người tranh chấp không phải sao chụp, công chứng để đưa vào hồ sơ gây tốn kém về thời gian, công sức của người tranh chấp. Đồng thời, cần chuẩn bị đầy đủ các căn cứ, các điều kiện tổ chức hòa giải, xét xử để không phải hoãn hay thực hiện lại khi không chưa đủ điều kiện.

3.3.2. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật liên quan đến giải quyết tranh chấp

Nhằm nâng cao hơn nữa hiểu biết pháp luật đất đai, trong đó có quy định về giải quyết tranh chấp đất đai cho người sử dụng đất cần tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật để người sử dụng đất nắm chắc quyền, nghĩa vụ của mình trong quản lý, sử dụng đất. Hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật thực hiện phương tiện truyền thanh, truyền hình, các cuộc thi tìm hiểu pháp luật đất đai, sổ tay pháp luật đất đai, hay công khai trên các trang điện tử của địa phương. Đặc biệt, cần có chính sách khuyến khích nâng cao hiểu biết pháp luật của các trưởng thôn, trưởng bản để họ thực hiện tốt hơn hòa giải cơ sở.

Bảng 7. Ý kiến về thủ tục giải quyết tranh chấp đất nông nghiệp

Tiêu chí đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ (%)	Tiêu chí đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
<i>Ý kiến về thủ tục giải quyết tranh chấp</i>			Không đúng hạn	77	46,95
Đơn giản	69	42,07	<i>Lý do không đúng hạn</i>		
<i>Phức tạp do:</i>	95	57,93	Chính sách, pháp luật đất đai chồng chéo, thường xuyên thay đổi	32	19,51
Phải chuẩn bị nhiều loại giấy tờ liên quan	41	25,00	Sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị chưa tốt	58	35,37
Phải tham gia xác minh thực địa	30	18,29	Thẩm tra, xác minh vụ việc mất nhiều thời gian	61	37,20
Phải tham gia đối chất	77	46,95	Năng lực, kinh nghiệm chuyên môn của người giải quyết còn hạn chế	49	29,88
<i>Thời hạn giải quyết tranh chấp</i>			Do sai sót trong quá trình tiếp nhận hồ sơ dẫn đến hồ sơ chưa đầy đủ	32	19,51
Trước hạn	24	14,63	Kinh phí chưa đáp ứng yêu cầu công việc	76	46,34
Đúng hạn	63	38,41	Việc bổ sung giấy tờ, tài liệu của các bên tranh chấp còn chưa kịp thời	53	32,32

Bảng 8. Ý kiến về nhân lực, cơ sở dữ liệu phục vụ giải quyết tranh chấp đất nông nghiệp

Tiêu chí đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ (%)	Tiêu chí đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
<i>Nhân lực</i>			<i>Cơ sở dữ liệu</i>		
Đáp ứng yêu cầu	101	61,59	Đáp ứng yêu cầu	125	76,22
Chưa đáp ứng yêu cầu	63	38,41	Chưa đáp ứng yêu cầu	39	23,78
<i>Do:</i>			<i>Do:</i>		
Số lượng chưa đủ	50	30,49	Hồ sơ địa chính chưa đầy đủ	21	12,80
Chuyên môn hạn chế	36	21,95	Hồ sơ địa chính chưa chính xác	18	10,98
Kiểm nhiệm, chưa chuyên trách	53	32,32	Hồ sơ địa chính chưa cập nhật	33	20,12
			Hồ sơ địa chính chưa thống nhất	26	15,85

Bảng 9. Ý kiến về triển khai giải quyết tranh chấp

Tiêu chí đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ (%)	Tiêu chí đánh giá	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
<i>Chỉ đạo, giám sát giải quyết tranh chấp của các cấp</i>			Chưa tốt	44	26,83
Rất thường xuyên	45	27,44	Rất chưa tốt	16	9,76
Thường xuyên	50	30,49	Điểm đánh giá trung bình	3,23	
Bình thường	39	23,78	Mức độ hài lòng trung bình	BT	
Ít quan tâm	23	14,02	<i>Mức độ quan tâm của người tranh chấp đối với quy định pháp luật</i>		
Rất ít quan tâm	7	4,27	Rất thường xuyên	4	2,44
Điểm đánh giá trung bình		3,63	Thường xuyên	17	10,37
Mức độ hài lòng trung bình		TX	Bình thường	45	27,44
<i>Tuyên truyền, phổ biến pháp luật giải quyết tranh chấp</i>			Ít quan tâm	96	58,54
Rất tốt	32	19,51	Rất ít quan tâm	2	1,22
Tốt	49	29,88	Điểm đánh giá trung bình	2,54	
Bình thường	23	14,02	Mức độ hài lòng trung bình	IQT	

Ghi chú: BT: Bình thường; IQT: Ít quan tâm

3.3.3. Đảm bảo đủ nhân lực giải quyết tranh chấp

Do tại một số địa phương, nhân lực thực hiện hòa giải cơ sở có hiểu biết pháp luật giải quyết tranh chấp hạn chế, nên UBND tỉnh cần mở những lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho họ, nhất là khi có những thay đổi về quy định pháp luật. Nhân lực ở một số xã còn thiếu về số lượng do phải kiêm nhiệm đồng thời nhiều công vụ, nên việc giải quyết tranh chấp chưa đúng thời hạn, nên cần rà soát, bổ sung đủ nhân lực thông qua bổ sung biên chế hoặc điều động, biệt phái có thời hạn đối với địa phương có nhiều vụ việc tranh chấp xảy ra đồng thời. Bên cạnh đó, cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận, xử lý, thụ lý, giải quyết các vụ việc và công khai kết quả để các đương sự có thể cung cấp, theo dõi quá trình giải quyết tranh chấp ở bất cứ đâu, vào bất cứ thời điểm nào khi có phương tiện kết nối internet. Bằng cách này có thể giảm bớt áp lực cho người giải quyết tranh chấp, cũng như áp lực tăng biên chế.

3.3.4. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong giải quyết tranh chấp

Để có căn cứ xét xử và đưa ra bản án đúng thời hạn, thì UBND tỉnh Lạng Sơn cần yêu cầu

các cơ quan liên quan, nhất là cơ quan tài nguyên và môi trường phải cung cấp đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn các loại giấy tờ được giao quản lý. Nếu cung cấp hồ sơ không đúng quy định thì ngoài việc bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định hiện hành, lãnh đạo các cơ quan bị kỷ luật theo quy định. Bên cạnh đó, cần thực hiện liên thông hồ sơ địa chính giữa cơ quan tài nguyên và môi trường và tòa án để có thể thu thập chứng cứ nhanh hơn. Trường hợp cần đo đạc, xác minh tại hiện trường thì lãnh đạo UBND cấp xã cùng Mặt trận tổ quốc xã vận động các bên có tranh chấp phối hợp, tạo điều kiện thuận để thực hiện công việc. Trong quá trình xét xử, cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan phải tham gia và đưa ra các ý kiến, bằng chứng chính xác để tòa án có căn cứ đầy đủ, chính xác ban hành bản án. Cần đưa việc cung cấp thông tin và tham gia tố tụng là một trong những tiêu chí đánh giá thi đua, khen thưởng, kỷ luật đối với các tổ chức và cá nhân.

4. KẾT LUẬN

Giai đoạn 2016-2022, tỉnh Lạng Sơn có 4012 vụ TCĐNN đã giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân

được giải quyết; trung bình mỗi năm có 2,87 vụ xảy ra tại một đơn vị hành chính cấp xã. Tỷ lệ hòa giải thành công 72,18%, không thành công 27,82%. Tỷ lệ bản án xét xử sơ thẩm không có kháng cáo chiếm 90,50%; còn lại 9,50% có kháng cáo và đã xét xử phúc thẩm. Các bên tranh chấp sau khi đồng ý với kết quả giải quyết đã chấp hành tốt các kết luận với mức độ hài lòng chung ở mức II (Hài lòng, điểm trung bình 3,48). Tồn tại lớn nhất khi giải quyết tranh chấp là hồ sơ địa chính tại một số địa phương chưa đồng bộ, đầy đủ, cập nhật, chính xác; nhân lực còn thiếu; sự phối hợp của các đương sự còn hạn chế; người có tranh chấp hiểu biết pháp luật cũng hạn chế; thủ tục hành chính còn chưa đơn giản thuận lợi trong quá trình thụ lý và giải quyết các vụ việc. Để giải quyết dứt điểm, đúng thời hạn, đúng quy định các TCDNN, cần hoàn thiện hồ sơ địa chính và thủ tục hành chính giải quyết tranh chấp; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật; đảm bảo đủ nhân lực giải quyết tranh chấp; tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong giải quyết tranh chấp.

Nghiên cứu này mới tập trung đánh giá GQTCĐĐ liên quan đến ĐNN đã giao, cho thuê, công nhận đối với hộ gia đình, cá nhân. Do vậy, cần tiếp tục nghiên cứu giải quyết tranh chấp đối với ĐNN còn lại để có đánh giá đầy đủ hơn về GQTCĐNN trên địa bàn Tỉnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Doãn Hồng Nhung & Sầm Đức Hiệp (2022). Một số hạn chế, vướng mắc trong giải quyết tranh chấp đất

nông nghiệp tại Tòa án nhân dân hai cấp ở tỉnh Cao Bằng. Tạp chí Công thương. 17: 32-38.

Likert R.A. (1932). A technique for measurement of attitudes, Archives of Psychology. 140(55): 5-55.

Nguyễn Thị Thanh Bình & Lê Thị Thò (2019). Tranh chấp đất đai và những vấn đề đặt ra trong quản lý, sử dụng đất đai ở hai xã người Dao vùng Đông Bắc hiện nay. Tạp chí Dân tộc học. 3: 33-42.

Nguyễn Tiến Sỹ (2017). Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai tồn đọng, kéo dài. Nhiệm vụ cấp Bộ. Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Phạm Thị Hải Vân (2023). Pháp luật về hòa giải tranh chấp đất đai - một số bất cập và định hướng hoàn thiện. Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Bình Dương. 2: 93-102.

Phạm Thị Hằng, Bùi Thị Diệu Hiền & Phan Thị Lê Thủy (2022). Nghiên cứu nhân tố tác động đến hiệu quả giải quyết tranh chấp đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số tại huyện Văn Canh, tỉnh Bình Định. Tạp chí Khoa học Đất số. 67: 189-194.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn (2022). Báo cáo tổng hợp quản lý sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2016-2022.

Tô Văn Hòa (2020). Nghiên cứu giải quyết tình trạng tranh chấp đất đai bảo đảm phát triển bền vững vùng Tây Nguyên trong bối cảnh hiện nay. Nhiệm vụ cấp Quốc gia. Mã số: KHCN-TN/16-20. Trường Đại học Luật Hà Nội.

Trần Thanh Đức, Trần Minh Huân & Trương Thị Diệu Hạnh (2018). Đánh giá thực trạng khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai tại quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng. Tạp chí Khoa học và Công nghệ nông nghiệp. 2(3): 867-872.

UBND tỉnh Lạng Sơn (2022). Báo cáo công tác quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2022.

Yamane Taro (1967). Statistics: An Introductory Analysis, 2nd Edition, New York: Harper and Row.